

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

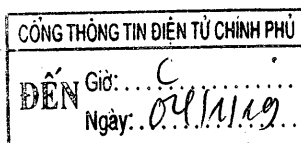
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/2018/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Phụ lục 01, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017-2020; định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 64/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội khóa XIV;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về Hệ thống Mục lục ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP;

Thực hiện Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh khóa XVII, Kỳ họp thứ 8;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung Khoản 7 vào Điểm II mục A Chương I Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh:

“7. Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.”

Điều 2. Sửa đổi quy định tỷ lệ điều tiết khoản thu Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu) quy định tại Mục D Chương II Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh:

“Thuế bảo vệ môi trường (*Phần ngân sách địa phương được hưởng*):

1. Cục Thuế tỉnh quản lý thu: Ngân sách tỉnh 100%.
2. Chi Cục thuế các huyện, thành phố, thị xã quản lý thu: Ngân sách huyện, thành phố, thị xã 70%; ngân sách xã, phường, thị trấn 30%.”

Điều 3. Sửa đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu từ Quỹ đất tại các Khu tái định cư các dự án quy định tại Điểm II, Mục E, Chương II, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh:

“1. Đối với các dự án do tỉnh làm Chủ đầu tư: Sau khi trừ chi phí đầu tư (tạm tính bằng 55% trên tổng số tiền sử dụng đất thu được và điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh); 45% số thu còn lại (được xem là 100%) được phân chia: Ngân sách tỉnh 50%; ngân sách huyện, thành phố, thị xã 50%.

2. Đối với các dự án do tỉnh làm Chủ đầu tư trên địa bàn huyện xây dựng nông thôn mới được tỉnh phê duyệt: Sau khi trừ chi phí đầu tư (tạm tính bằng 55% trên tổng số tiền sử dụng đất thu được và điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh); 45% số thu còn lại được điều tiết cho ngân sách huyện.

3. Đối với các dự án do cấp huyện làm Chủ đầu tư (Trong trường hợp được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ủy quyền làm chủ đầu tư):

a) Trường hợp dự án được đầu tư từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh: Sau khi trừ chi phí đầu tư (tạm tính bằng 55% trên tổng số tiền sử dụng đất thu được và điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh); 45% số thu còn lại được điều tiết ngân sách cấp huyện;

b) Trường hợp dự án được đầu tư từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và một phần từ ngân sách cấp huyện: Điều tiết ngân sách cấp huyện 100%. Đối với phần chi phí đầu tư (tạm tính bằng 55% trên tổng số tiền sử dụng đất thu được), Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn trả về ngân sách tỉnh phần kinh phí tương ứng tỷ lệ phần trăm (%) nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh đã đầu tư vào dự án;

c) Trường hợp dự án được đầu tư từ ngân sách cấp huyện: Ngân sách huyện, thành phố, thị xã 100%.”

Điều 4. Sửa đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất (thuộc quỹ đất còn lại) phát sinh trên địa bàn xã quy định tại Điểm VI Mục E và tiền thuê đất, mặt nước của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) phát sinh trên địa bàn xã quy định tại Mục G Chương II Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh:

“1. Thu tiền sử dụng đất (Tư Quỹ đất còn lại) phát sinh trên địa bàn xã:

a. Phát sinh trên địa bàn xã thuộc thị xã Hồng Lĩnh, thị xã Kỳ Anh và các huyện: Ngân sách huyện, thị xã 50%; ngân sách xã 50%;

b. Phát sinh trên địa bàn xã thuộc thành phố Hà Tĩnh: Ngân sách tỉnh 10%; ngân sách thành phố 40%; ngân sách xã 50%.

2. Thu tiền thuê đất, mặt nước của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) phát sinh trên địa bàn xã thuộc các huyện, thành phố, thị xã: Ngân sách huyện, thành phố, thị xã 70%; ngân sách xã 30%.

3. Nguồn thu được hình thành tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được điều tiết về cho ngân sách cấp huyện để tạo nguồn vốn thực hiện chương trình nông thôn mới. Hàng năm, Hội đồng nhân dân cấp huyện tiến hành phân bổ lại cho các xã để thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó ưu tiên phân bổ nguồn lực cho các xã đăng ký đạt chuẩn trong năm và các xã khó khăn về nguồn thu trên.”

Điều 5. Bổ sung Mục M vào Chương II Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh:

“M. Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

I. Đối với giấy phép khai thác tài nguyên nước do Trung ương cấp phép: Ngân sách Trung ương 70%; ngân sách tỉnh 20%; ngân sách huyện, thành phố, thị xã 10%.

II. Đối với giấy phép khai thác tài nguyên nước do tỉnh cấp phép: Ngân sách tỉnh 50%; ngân sách huyện, thành phố, thị xã 50%.”

Điều 6. Sửa đổi Mục 7; Mục 10.2; nội dung phát sinh trên địa bàn xã quy định tại Mục 10.6, Mục 11, Mục 13; bổ sung Mục 17 quy định tại Phụ biểu ban hành kèm theo Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh (Chi tiết tại Phụ biểu ban hành kèm theo).

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách quy định tại Quyết định này nếu khác với các quy định khác thì thực hiện theo Quyết định này.

3. Tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Điều 3, Điều 4 Quyết định này không áp dụng cho các huyện xây dựng nông thôn mới được tỉnh phê duyệt.

4. Quyết định này bãi bỏ:

a) Quy định tỷ lệ điều tiết khoản thu Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu) quy định tại Mục Đ Chương II Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh;

b) Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu từ Quỹ đất tại các Khu tái định cư các dự án quy định tại Điểm II Mục E Chương II Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh;

c) Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất (thuộc quỹ đất còn lại) phát sinh trên địa bàn xã quy định tại Điểm VI Mục E và tiền thuê đất, mặt nước của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) phát sinh trên địa bàn xã quy định tại Mục G Chương II Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh;

d) Mục 7; Mục 10.2; nội dung phát sinh trên địa bàn xã quy định tại Mục 10.6, Mục 11, Mục 13 tại Phụ biểu ban hành kèm theo Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh.

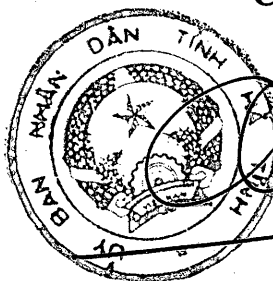
Điều 8. Tổ chức thực hiện

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Các Ban - HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh VP, các Phó chánh VP/UB;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, TKCT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Quốc Khánh

PHỤ BIỂU SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2017-2020

(Kèm theo Quyết định số 55/2018/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Tỷ lệ điều tiết giai đoạn 2017-2020				Ghi chú
		NSTW	NST	NSH	NSX	
7	Thu thuế bảo vệ môi trường (Phần ngân sách địa phương được hưởng)					
7.1	Cục Thuế tỉnh quản lý thu		100%			
7.2	Chi cục thuế các huyện, thành phố, thị xã quản lý thu			70%	30%	
10	Tiền sử dụng đất					
10.2	Quỹ đất tại các Khu tái định cư các dự án					
a	Đối với các dự án do tỉnh làm chủ đầu tư					
-	Chi phí thực hiện 55%		100%			
-	45% chi phí còn lại (được xem là 100%)		50%	50%		
b	Đối với các dự án do tỉnh làm chủ đầu tư trên địa bàn huyện xây dựng nông thôn mới được tỉnh phê duyệt					
-	Chi phí thực hiện 55%		100%			
-	45% chi phí còn lại			100%		
c	Đối với các dự án do cấp huyện làm chủ đầu tư (Trong trường hợp được UBND tỉnh quyết định ủy quyền làm chủ đầu tư), cụ thể:					
-	Trường hợp dự án được đầu tư từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh:					
+	Chi phí thực hiện 55%		100%			

TT	Nội dung	Tỷ lệ điều tiết giai đoạn 2017-2020				Ghi chú
		NSTW	NST	NSH	NSX	
+	45% chi phí còn lại			100%		
-	Trường hợp dự án được đầu tư từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và một phần từ ngân sách cấp huyện			100%		Đối với phần chi phí đầu tư (tạm tính bằng 55% trên tổng số tiền sử dụng đất thu được), UBND cấp huyện hoàn trả về ngân sách tỉnh phần kinh phí tương ứng tỷ lệ phần trăm (%) nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh đã đầu tư vào dự án.
-	Trường hợp dự án được đầu tư từ ngân sách cấp huyện			100%		
10.6	Quỹ đất còn lại					
a	Phát sinh trên địa bàn xã thuộc Thị xã Hồng Lĩnh, thị xã Kỳ Anh và các huyện			50%	50%	Hàng năm, HĐND cấp huyện tiến hành phân bổ lại cho các xã để thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó ưu tiên phân bổ nguồn lực cho các xã đăng ký đạt chuẩn trong năm và các xã khó khăn về nguồn thu trên
b	Phát sinh trên địa bàn xã thuộc Thành phố Hà Tĩnh		10%	40%	50%	
11	Tiền thuê đất, mặt nước phát sinh trên địa bàn xã thuộc các huyện, thành phố, thị xã			70%	30%	
17	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước		50%	50%		
17.1	Trung ương cấp phép	70%	20%	10%		
17.2	Tỉnh cấp phép		50%	50%		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

